TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 436/2023/HC-PT
Ngày 20/6/2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Nam

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển

Ông Nguyễn Huyền Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thu Hương, Kiểm sát viên cao cấp;

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 202/2023/TLPT-HC ngày 02/3/2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 125/2022/HC-ST ngày 10/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6717/2023/QĐPT ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Người khởi kiện*: Ông Nhân Văn H, đã chết ngày 19/6/2022*;*

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1939, có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Anh Nhân Văn H1, sinh năm 1962, có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Anh Nhân Văn H2, sinh năm 1967, có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Anh Nhân Văn D1, sinh năm 1976, có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Chị Nhân Thị H3, sinh năm 1979, có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Chị Nhân Thị L, sinh năm 1960, có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Chị Nhân Thị U, sinh năm 1964, có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Chị Nhân Thị L1, sinh năm 1974, có đơn xin xét xử vắng mặt;
- Chị Nhân Thị H4, sinh năm 1971, có mặt;

Đều ở địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội; và đều ủy quyền cho chị Nhân Thị H4, sinh năm 1971, có mặt;

2. Người bị kiện: Uỷ ban nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tiến C, Chủ tịch UBND huyện Thanh Trì, có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị M - sinh năm 1970, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Các cháu Nhân Văn T, sinh năm 1990; Nhân Đức T1, sinh năm 1998; Nhân Văn S, sinh năm 1993; đều ủy quyền cho chị Nhân Thị H4.

- Chị Đỗ Thị H5 - sinh năm 1978;

Cùng trú tại: Đội 6, Thôn N, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội (đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do)

- UBND xã Ngọc Hồi, huyện T, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Viết K, Chủ tịch UBND xã Ngọc Hồi, có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện các đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, bản tự khai và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là chị Nhân Thị H4, trình bày:

Để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng tổ hợp ga N (giai đoạn 1), các tuyến đường bộ kết nối và các cầu đường bộ vượt đường sắt thuộc dự án đường sắt đô thị Hà Nội (tuyến số 1) trên địa bàn các xã L, N, V thuộc huyện T, thành phố Hà Nội, ngày 08/7/2016, Ủy ban nhân dân (sau đât viết tắt là UBND) huyện Thanh Trì ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 4769/QĐ-UBND theo đó, hộ gia đình ông Nhân Văn H bị thu hồi 1.331m^2 đất thuộc các thửa số 74(16) diện tích 361m^2, thửa số 48 diện tích 87m^2, thửa số 27 (9) diện tích 69m^2, thửa số 27(10) diện tích 395m^2, thửa số 63(3) diện tích 419m^2; được bồi thường 1.151.912.000đ (gồm bồi thường đất nông nghiệp 179.685.000đ, tài sản trên đất là 3.610.000đ, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm 898.425.000đ, hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất 60.192.000đ, thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng 10.000.000đ).

Ông H cho rằng theo khoản 1 Điều 22 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội do Luật Đất đai 2013 và các Nghị định của Chính phủ giao cho về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội thì:

+ Giá đất trong bảng giá đất của địa phương phải được điều chỉnh lên 3,5 lần, rồi nhân tiếp với 5 để tính tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm;

+ Hỗ trợ đầu tư xói mòn đất, ngập úng, bạc màu, xâm mặn, giống cây trồng vật nuôi đối với diện tích đất 1.269m^2 còn lại.

+ Diện tích 551m^2/diện tích đất ao: chưa nhận được hoa màu tài sản trên đất, vì: trong Sổ đỏ của gia đình ông là đất trồng lúa, gia đình không ký Hợp đồng cho thuê ao với ông H6 và ông T2.

+ Gia đình bị thu hồi 51% diện tích đất nông nghiệp vào 02 dự án lớn là Khu công nghiệp N nhưng chưa được giao đất dịch vụ, hỗ trợ lần nào; theo quy định của Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND nêu trên, khi thu hồi 30% diện tích đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đất dịch vụ. Nên việc UBND huyện Thanh Trì không giao đất dịch vụ cho ông là sai.

Ông H khởi kiện yêu cầu: Hủy quyết định số 4769/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND huyện Thanh Trì về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nêu trên.

Người bị kiện UBND Thanh Trì, thành phố Hà Nội trình bày:

Căn cứ Quyết định số 3340/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2008 của Bộ Giao thông Vận tải về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình "Xây dựng đường sắt đô thị Hà Nội (tuyến số 1), giai đoạn 1".

Căn cứ Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Hồ sơ ranh giới khu đất xây dựng Khu tổ hợp ga N (giai đoạn 1), các tuyến đường bộ kết nối và các cầu đường bộ vượt đường sắt thuộc Dự án xây dựng đường sắt Đô thị Hà Nội (tuyến số 1), tỷ lệ 1/500. Địa điểm: huyện T, Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4498/QĐ-UBND ngày 31/8/2009 của UBND thành phố Hà Nội giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường sắt Đô thị Hà Nội (tuyến số 1), giai đoạn I.

Ngày 13/4/2010 UBND huyện Thanh Trì có Quyết định số 781/QĐ-UBND về việc ủy quyền nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường sắt Đô thị Hà Nội (tuyến số 1), giai đoạn I trên địa bàn huyện T;

Ngày 19/7/2012 UBND huyện Thanh Trì ban hành Thông báo thu hồi đất số 265/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng khu xây dựng Khu tổ hợp ga N (giai đoạn 1), bộ kết nối tuyến và các đường cầu thuộc dự án xây dựng đường sắt Đô thị Hà Nội (tuyến số 1) trên địa bàn các xã L, N, V, huyện T, thành phố Hà Nội;

Ngày 25/9/2012 UBND huyện Thanh Trì có Quyết định số 6351/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng Khu tổ hợp ga N (giai đoạn 1), các đường kết nối và các đường cầu xây dựng thuộc dự án xây dựng đường sắt Đô thị Hà Nội (tuyến số 1) trên địa bàn các xã L, N, V thuộc các huyện T, thành phố Hà Nội;

Ngày 25/9/2012 UBND huyện Thanh Trì có Quyết định số 6361/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác GPMB để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng Khu tổ hợp ga N (giai đoạn 1), bộ kết nối trực tuyến và các đường cầu dự án xây dựng đường sắt Đô thị Hà Nội (tuyến số 1) trên địa bàn xã N, huyện T;

Trong 02 ngày 31/01/2013 và ngày 01/02/2013, tổ chức họp dân có đất nằm trong giới hạn GPMB dự án giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng Khu tổ hợp ga N (giai đoạn 1), bộ kết nối trực tuyến và các đường cầu dự án xây dựng đường sắt Đô thị Hà Nội (tuyến số 1) trên địa bàn xã N, huyện T;

Hộ gia đình ông Nhân Văn H được giao 3.949 m^2 đất nông nghiệp, khi thực hiện dự án Cụm công nghiệp Ngọc Hồi, gia đình ông H bị thu hồi 989 m^2, còn lại gia đình đang sử dụng là 2960 m^2, đã được UBND huyện Thanh Trì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nông nghiệp (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số T 607675, số vào sổ số 1268.QSDĐ ngày 12/6/2006.

Ngày 22/8/2013 UBND huyện Thanh Trì đã ban hành Quyết định số 5516/QĐ- UBND về việc thu hồi của hộ gia đình ông H 360 m^2 đất nông nghiệp tại xã N để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã N, huyện T phục vụ giải phóng mặt bằng dự án cải tạo Quốc lộ 1A đoạn V - N và dự án cầu N, như vậy tổng diện tích còn lại của gia đình là 2.600 m^2.

Khi thực hiện dự án giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng Khu tổ hợp ga N (giai đoạn 1), đường kết nối và đường cầu vượt thuộc dự án xây dựng đường sắt Đô thị Hà Nội (tuyến số 1) trên địa bàn xã N, huyện T, Tổ công tác kiểm tra rà soát thì gia đình ông H có 1.331m^2 đất nằm trong dự án.

Căn cứ Giấy xác nhận của UBND xã Ngọc Hồi, ban bồi thường đã lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và công khai dự thảo phương án theo quy định tại Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội. Hết thời gian công khai theo quy định, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ đã thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ; trên cơ sở đó, UBND huyện ban hành và gửi Quyết định về việc thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đến các hộ dân và tổ chức chi trả tiền cho các hộ gia đình theo quy định. Gia đình ông H không ý kiến gì với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đồng ý nhận bồi thường và bàn giao đất bị thu hồi. Ngày 08/7/2016, UBND huyện Thanh Trì ban hành Quyết định số 4763/QĐ-UBND thu hồi 1331 m^2 đất của gia đình ông H theo Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 4769/QĐ-UBND phê duyệt phương pháp bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đất; theo đó, gia đình ông H được bồi thường đất nông nghiệp theo giá đất 135.000đ/m^2 tại Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội, áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019; cây cối trên đất được áp dụng theo quy định tại Thông báo số 7218/STC- BG ngày 30/12/2015 của Sở Tài chính Hà Nội; được hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất cho 22 nhân khẩu trực tiếp ăn ở tại vị trí giải phóng mặt bằng; được thưởng tiến độ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 23 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố. Việc ban hành 02 quyết định trên bảo đảm có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành. Nên UBND huyện Thanh Trì không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã Ngọc Hồi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 125/2022/HC-ST ngày 10/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử:

Bác yêu yêu cầu khởi kiện của ông H về việc Hủy quyết định số 4769/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND huyện Thanh Trì về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2022, chị Nhân Thị H4 là đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nhân Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nhân Thị H4 không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và về cơ bản vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Người bị kiện là UBND huyện Thanh Trì và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Ngọc Hồi có đơn xin xét xử vắng mặt, về cơ bản giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của chị Nhân Thị H4 là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy đinh của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của chị Nhân Thị H4 là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của chị Nhân Thị H4 và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 19/8/2022, chị Nhân Thị H4 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là UBND huyện Thanh Trì và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Ngọc Hồi có đơn xin xét xử vắng mặt, trên cơ sở ý kiến của người khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Ngày 03/7/2017, ông Nhân Văn H khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Toà án hủy Quyết định số 4769/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND huyện Thanh Trì về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nhân Văn H thì đây là quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà

nước có thẩm quyền ban hành về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính trong lĩnh vực đất đai, có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Do đó, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Nhân Thị H4 thì thấy:

[3.1] Xem xét Quyết định 4763/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 về việc thu hồi diện tích 1.331m^2 đất nông nghiệp và Quyết định số 4769/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND huyện Thanh Trì về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nhân Văn H

Về thẩm quyền: UBND huyện Thanh Trì ban hành quyết định bồi thường và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 67, khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013;

Về trình tự thủ tục: Ngày 25/9/2012 UBND huyện Thanh Trì có Quyết định số 6361/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng Khu tổ hợp ga N (giai đoạn 1), bộ kết nối trực tuyến và các đường cầu Hồi giáo dự án xây dựng đường sắt Đô thị Hà Nội (tuyến số 1) trên địa bàn xã N, huyện T. Khi thực hiện dự án, Tổ công tác kiểm tra rà soát, kiểm kê đất và tài sản trên đất của gia đình ông H, tiến hành họp dân trong 02 ngày 31/01/2013 và ngày 01/02/2013 nhằm thông báo về việc thu hồi; căn cứ Giấy xác nhận của UBND xã Ngọc Hồi, lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và công khai dự thảo phương án theo đúng quy định tại Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố. Hết thời gian công khai theo quy định, Hội đồng bồi thường đã thẩm định và thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ; trên cơ sở đó, UBND huyện ban hành các quyết định về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình ông H và chỉ đạo tổ chức chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Gia đình ông H đồng ý với phương pháp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đồng ý nhận bồi thường, đồng ý bàn giao đất thu hồi. Như vậy, về trình tự thủ tục thu hồi đất UBND huyện Thanh Trì đã thực hiện đúng với quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013;

Về căn cứ: Dự án giải phóng mặt bằng khu đất xây dựng tổ hợp ga N (giai đoạn 1), các tuyến đường bộ kết nối và các cầu đường bộ vượt đường sắt thuộc dự án đường sắt đô thị Hà Nội (tuyến số 1) trên địa bàn các xã L, Ngọc Hồi, V thuộc huyện T, thành phố Hà Nội là dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, nên theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 thì dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện dự án. Khi xem xét bồi thường, UBND huyện Thanh Trì đã căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 607675, số vào sổ 1268 QSDĐ do UBND huyện Thanh Trì cấp cho hộ gia đình ông H ngày 12/6/2006; Biên bản kiểm kê đất, tài sản gắn liền với đất ngày 16/3/2013 để xác định tài sản được bồi thường; theo đó hộ gia đình ông H được bồi thường, hỗ trợ và đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.151.912.000 đồng ngày 14/7/2016 gồm các khoản sau:

+ Bồi thường đất nông nghiệp: UBND huyện Thanh Trì căn cứ quy định tại

khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 và Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 xác định khoản bồi thường đất nông nghiệp cho hộ gia đình ông H là: 135.000đ/m^2 x 1.331m^2 = 179.685.000 đồng là đúng;

+ Bồi thường cây cối trên đất gồm đất trồng lúa nếp: UBND huyện Thanh Trì căn cứ vào khoản 1 Điều 90 Luật Đất đai 2013, Điều 18 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội và Thông báo số 7218/STC-BG ngày 20/12/2015 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội xác định khoản bồi thường tài sản trên đất là 361m^2 x 10.000đ/m^2 = 3.610.000 đồng và đất trồng rau muống chuyên canh là 419m^2 x 18.000đ/m^2 = 7.542.000 đồng là đúng.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: Chị H4 cho rằng theo điểm a khoản 1 Điều 22 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội thì gia đình chị khi bị thu hồi đất nông nghiệp ngoài việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì còn được nhận giao đất dịch vụ, đất ở, bán căn hộ chung cư. Điểm a khoản 1 Điều 22 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội quy định:

"*1. Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp*

a) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại khoản 1, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP bằng 5 (năm) lần (đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng tiền một lần, giao đất dịch vụ, đất ở, bán căn hộ chung cư) và 3,5 (ba phẩy năm) lần (đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được phê duyệt hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng tiền một lần, giao đất dịch vụ, đất ở, bán căn hộ chung cư) giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của UBND Thành phố đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;"

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H4 thừa nhận Hộ gia đình ông H chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng tiền một lần, giao đất dịch vụ, đất ở, bán căn hộ chung cư, nên UBND huyện Thanh Trì đã xác định khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được áp dụng cho Hộ gia đình ông H bằng 5 lần (không phải 3,5 lần) giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của UBND thành phố đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi, tức (135.000đ/m^2 x 5) x 1.331m^2 = 898.425.000 đồng là phù hợp với điểm b, khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai và Điều 20, 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và Điều 22 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND nêu trên.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: UBND huyện Thanh Trì căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai và Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và khoản 1 Điều 21 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND nêu trên để xác định khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ gia đình ông H là 22 khẩu x 6 tháng x 15.200đ/kg x 30kg = 60.192.000 đồng là đúng.

Như vậy, Quyết định 4769/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND huyện Thanh Trì đã được ban hành và thực hiện đúng quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H4 về vấn đề này.

[3.2] Ngoài yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 4769/QĐ-UBND nêu trên, ông H còn yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết khoản hỗ trợ đầu tư chống xói mòn đất, ngập úng, bạc màu, xâm mặn, giống cây trồng vật nuôi đối với diện tích đất 1.269m^2 còn lại; phần diện tích đất ao 551m^2 gia đình ông chưa nhận được bồi thường hoa màu tài sản trên đất khi sổ đỏ của gia đình ông là đất trồng lúa, gia đình không ký Hợp đồng cho thuê ao với ông H6 và ông T2; gia đình ông bị thu hồi 51% diện tích đất nông nghiệp vào 02 dự án lớn nhưng chưa được giao đất dịch vụ, hỗ trợ lần nào. Nhưng tại Tờ khai về đất đai, tài sản gắn liền với đất, Biên bản kiểm kê đất, tài sản gắn liền với đất ngày 16/3/2013, ông H xác định phần đất ao đã cho thuê thả cá; ngày 14/7/2016, ông H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng mà không có ý kiến gì khác; tại phiên tòa sơ thẩm khi được hỏi, chị H4 khai "*Tôi chỉ thắc mắc về giá đất và chính sách đền bù không thỏa đáng, không được tái định cư*" là những vấn đề liên quan đến Quyết định 4769/QĐ-UBND nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông H về vấn đề này là có căn cứ.

Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

[4] Về án phí: Do kháng cáo không chấp nhận nên chị H4 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của chị Nhân Thị H4; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 125/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội;

2. Về án phí: Chị H4 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm (được đối trừ 300.000 đồng chị H4 đã nộp tại Biên lai thu số 0001192 ngày 28/11/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội);

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ)
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Phan Nam